

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
C **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH LA

Bản án số: 41/2017/HS-ST

Ngày: 27/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN C, TỈNH LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.

2. Ông Nguyễn V Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký TAND C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân C tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi –
Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2017, tại Trung T V hoá, Thể thao và Học tập cộng đồng xã LT, C, Tòa án nhân dân C xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 05/10/2017, đối với bị cáo:

Trần V Quý Q, tên gọi khác: Tý, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 137, ấp Long Thanh, xã LT, C, tỉnh LA; Số CMND: 301641371; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Trần V T và bà Nguyễn Thị B; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê V, sinh năm 1998, địa chỉ: Số 59, khu 3, CD, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn A, sinh năm 1998, địa chỉ: Khu 7A, CD, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

3. Anh Huỳnh V X, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp 5, xã Lh, C, tỉnh LA (Có mặt).

4. Anh Ung V H, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 190, khu 4, CD, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn T, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp Minh Thiện, xã LT, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

6. Anh Mi V H, sinh năm 1994, địa chỉ: Khu 4, CD, C, tỉnh LA (Có mặt).

7. Anh V Công A, sinh năm 1997, địa chỉ: Ấp 5, xã O, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

8. Anh Tống HH, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp An Hòa, xã TTH, huyện CG, TP- HCM. Chỗ ở: 209/32, đường Cây Trâm, Phường 8, quận V, Tp- HCM (Vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1998, địa chỉ: Khu 2, CD, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

10. Anh Đặng Hồng Th, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp 5, xã Lh, C, tỉnh LA (Có mặt).

11. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp Long Thanh, xã LT, C, tỉnh LA (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:”

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 08/02/2017, Trần Văn Quý Q gọi điện thoại cho một người có tên là Phi (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để mua 3.000.000 đồng ma túy dạng đá (gọi tắt là ma túy đá). Cả hai hẹn gặp nhau tại khu vực đầu đường Nguyễn Văn Linh thuộc thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, M để giao nhận ma túy. Q điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 62L1-217.31 đến nhận ma túy từ Phi và mang về cất giấu trong nhà trong một cái hộp nhựa màu trắng để dưới tủ đựng chén bằng nhựa và dùng 01 cái xoong đáy lại. Tại thời điểm này, tại nhà chỉ có Q cùng bạn gái là Nguyễn Thị HN, nhưng Nga không biết.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Ung V H điện thoại kêu Q điều khiển xe đến CD để rước H lên nhà của Q chơi. Q điện thoại kêu Lý PH điều khiển xe mô tô biển số 52N7-9214 đi chở H đến nhà của Q. Sau đó, Q tiếp tục kêu Hải điều khiển xe mô tô đến nhà trọ Việt Anh thuộc ấp Cầu Xây, xã LT để chở Tổng HH đến nhà của Q. Tại nhà của Q, Q lấy ma túy đá ra cho cả nhóm gồm: Q, H, Hùng và Hải sử dụng chung. Đến 06 giờ 30 sáng, H đi về.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Lê V gọi điện thoại cho Q hỏi mua 800.000 đồng ma túy đá (Trước đó, V đã từng mua ma túy do Q bán lại) do lúc này Q đang đi ngoài đường nên hẹn V gọi lại. Đến 11 giờ V gọi điện thoại lại cho Q, Q kêu V đến nhà để nhận ma túy. V điều khiển xe mô tô biển số 62L1-123.28 chở Nguyễn A đến nhà của Q. Khi đến nơi, V kêu A ở phía trước nhà chờ V, còn V đi đến chỗ Q đang đứng gần chuồng nuôi gà, Q đưa ma túy đã phân ra gói nylon giao cho V và V trả cho Q 800.000 đồng, rồi cất ma túy vào trong nón kết vải đang đội trên đầu, chuẩn bị đi ra về thì bị Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Kết luận giám định số 608 ngày 09/02/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại M, kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng 0,4834gam, có Methamphetamine.

Thực hiện Lệnh khám xét, tại nhà số 147, ấp Long Thanh, xã LT, Công an C còn thu giữ thêm 01 gói nylon có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy lập biên bản niêm phong thu giữ. Kết luận giám định số 607 ngày 09/02/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại M, kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng 3,5566gam, có Methamphetamine. Ngoài ra, còn thu giữ thêm tang vật và tài sản khác có liên quan như:

- 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, bên trong có chứa nước màu trắng, ở phần nắp có tạo 02 lỗ tròn nhỏ, 01 lỗ gắn ống thủy tinh, lỗ còn lại gắn ống hút màu trắng;
- 01 nắp chai màu vàng có tạo 02 lỗ;
- 11 đoạn ống nhựa;
- 07 đoạn thủy tinh bị vỡ;

- 60 mười ống thủy tinh dài;
- 01 miếng bìa kiếng bị cắt (loại bao tập);
- 07 chiếc quạt gas;
- 37 túi nylon;
- 01 cân điện tử có chữ Amput;
- 01 dụng cụ dùng cạo râu màu cam;
- 03 cây kéo;
- 01 dụng cụ dùng để phân chia ma túy;
- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đỏ;
- 09 ĐTDĐ các loại không sử dụng được;
- 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 62L1-217.31;
- 01 xe mô tô Wave 110 biển số 52N7-9214;
- 01 xe mô tô Wave anpha biển số 62L1-123.28.

Tạm giữ một số người có liên quan cùng tài sản gồm: Nguyễn Thị HN; Số tiền 56.000 đồng và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 của Lê V; 01 ĐTDĐ hiệu Mobell và 01 ĐTDĐ hiệu Huawei của Nguyễn A; 30.000 đồng và 02 ĐTDĐ hiệu Mobistar của Lý PH; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 101, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A7 cùng phụ kiện và 20.000 đồng của Tống HH.

Quá trình điều tra vụ án, Trần Văn Quý Q còn khai nhận, lời khai này đã được đối chất: Trước đó, Q đã mua ma túy từ một người phụ nữ có tên là Sương (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để sử dụng và phân ra bán lại cho một số người khác nhằm thu lợi, cụ thể:

- Từ khoảng tháng 02/2016 đến ngày 07/02/2017, Q bán ma túy cho Huỳnh V X 04 lần gồm: 03 lần với số tiền mỗi lần 200.000 đồng; 01 lần với số tiền 300.000 đồng. Địa điểm tại nhà của Q, thu lợi số tiền 200.000 đồng.

- Khoảng tháng 6/2016, Q bán 01 lần ma túy cho Nguyễn Hoàng T với số tiền 100.000 đồng, địa điểm ngoài đường trước nhà của Q.

- Khoảng tháng 8/2016, Q bán 01 lần ma túy cho Nguyễn T với số tiền 300.000 đồng, thu lợi số tiền 50.000 đồng.

- Khoảng tháng 09/2016, Q bán 03 lần ma túy cho người phụ nữ có tên là My gồm: 01 lần với số tiền 300.000 đồng và 02 lần với số tiền 200.000 đồng, thu lợi số tiền 150.000 đồng.

- Khoảng tháng 10/2016, Q bán 01 lần ma túy cho một người có tên là Tý Đa với số tiền 200.000 đồng, thu lợi số tiền 50.000 đồng.

- Từ khoảng tháng 10 đến tháng 11/2016, Q bán ma túy 02 lần cho Văn Công A, mỗi lần 200.000 đồng, thu lợi số tiền 100.000 đồng.

- Khoảng tháng 10/2016, Q bán ma túy cho Lê V và Đặng Hồng Th 03 lần gồm: 01 lần 300.000 đồng và 02 lần mỗi lần 500.000 đồng, thu lợi số tiền 300.000 đồng.

- Ngày 21/01/2017, Q bán ma túy cho Mi Văn H 01 lần với số tiền 500.000 đồng, thu lợi số tiền 100.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Trần V Quý Q khai nhận hành vi phạm tội như trên. Đối với 01 cân điện tử hiệu Amput thu giữ tại nhà của bị cáo là cân do Phi đưa cho bị cáo lúc mua ma túy của Phi và Phi nói sáng sẽ đến nhà Q, nên Q cũng chưa trả 3.000.000

đồng tiền mua ma túy của Phi bán lại. Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đỏ bị cáo Q dùng liên lạc để mua và bán ma túy.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Huỳnh V X, Mi V H và Đặng Hồng Th đều khai nhận trước ngày 08/02/2017 có mua ma túy từ Q bán lại để sử dụng, còn ngày tháng cụ thể thì không nhớ. Bị cáo Q xác định có quen biết với các anh H, Th và X và có bán ma túy cho họ sử dụng.

Bị cáo Trần Văn Quý Q bị Viện kiểm sát nhân dân C truy tố tại Bản cáo trạng số: 39/QĐ-KSĐT ngày 04/10/2017, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p và o khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo có mức án tù từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Buộc bị cáo Q nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 950.000 đồng cùng số tiền mua ma túy từ Phi chưa trả tiền là 3.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 800.000 đồng là số tiền thu giữ được từ bị cáo Q khi bị bắt phạm tội quả tang và 01 cái cân điện tử có chữ Amput cùng 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, bên trong có chứa nước màu trắng, ở phần nắp có tạo 02 lỗ tròn nhỏ, 01 lỗ gắn ống thủy tinh, lỗ còn lại gắn ống hút màu trắng; 01 nắp chai màu vàng có tạo 02 lỗ; 11 đoạn ống nhựa; 07 đoạn thủy tinh bị vỡ; 60 mươi ống thủy tinh dài; 01 miếng bìa kiếng loại bao tập bị cắt; 07 chiếc quạt gas; 37 túi nylon; 01 dụng cụ dùng cạo râu màu cam; 03 cây kéo; một gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 0,4169gam và 01 gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 3,2741gam.

Bị cáo đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:”

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xét: Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn Quý Q tại phiên tòa có một phần phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét và thu giữ vật chứng; Kết luận giám định. Hơn nữa, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Trần Văn Quý Q là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo Q là người nghiện chất ma túy, nên ngoài việc bị cáo mua ma túy từ những người có tên là Sương và Phi (đều không rõ họ tên và địa chỉ) mang về nhà cất giấu để sử dụng thỏa mãn cho cơn nghiện, bị cáo còn bán lại cho những người khác nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể, khoảng hơn 11 giờ ngày 08/02/2017, tại nhà số 137, ấp Long Thanh, xã LT, C bị cáo Q bán cho Lê V 800.000 đồng ma túy dạng đá với trọng lượng 0,4834gam, có Methamphetamine (Theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013, Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67) thì bị bắt quả tang. Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 6/2016 đến ngày 07/02/2017, bị cáo Q còn bán ma túy cho: Huỳnh Văn X 04 lần, Nguyễn Hoàng T 01 lần, Nguyễn T 01 lần, 01 người phụ nữ có tên là My 03 lần, một người có tên là Tý Đa 01 lần, Văn Công A 02 lần, Lê V cùng Đặng Hồng Th 03 lần và Mi Văn H 01 lần. Thu lợi tổng số tiền 950.000 đồng. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự và được quy định như sau: “1. *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến B năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ B năm đến mười lăm năm:*

b) *Phạm tội nhiều lần;*

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân C đã truy tố bị cáo Q là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Tội phạm do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý chất ma túy; là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác cùng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người khác khi sử dụng ma túy được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo tự khai nhận ra các hành vi phạm tội trước đó; bị cáo có bác ruột là liệt sĩ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng các điểm p và o khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét mức hình phạt, loại hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng nên ghi nhận xem xét.

- Đối với những người có tên là Sương và Phi qua lời khai của bị cáo Q là những người đã bán ma túy cho Q, do chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an C tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

- Xét, lời khai của bị cáo Q cùng với Nguyễn Thị HN, Tống HH, Lý PH và Ung Văn H vào ngày 08/02/2017 tại nhà của Q, Q còn có hành vi lấy ma túy của bị cáo ra để cho cả nhóm sử dụng chung. Hành vi này của bị cáo không cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 198 của Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Thị HN, Tống HH, Lý PH và Ung Văn H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của Q, nhưng không biết Q mua bán ma túy và cũng không có hành vi gì giúp sức cho Q; Đối với Lê V có hành vi mua ma túy, còn Nguyễn A được Lê V nhờ chở đi nhưng không biết mua ma túy, nên không cấu thành tội phạm hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ cho Công an C để xử lý theo thủ tục hành chính là phù hợp.

[5]. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự và 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét:

- Đối với số tiền bị cáo Q khai nhận thu lợi từ việc bán ma túy là 950.000 đồng và 3.000.000 đồng là tiền mua ma túy chưa trả cho Phi, nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 800.000 đồng, đã thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Q là số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 cân điện tử có chữ Amput là dụng cụ bị cáo Q sử dụng trong việc mua bán ma túy; đối với 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đỏ là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc trong việc mua và bán ma túy, xét thấy còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, bên trong có chứa nước màu trắng, ở phần nắp có tạo 02 lỗ tròn nhỏ, 01 lỗ gắn ống thủy tinh, lỗ còn lại gắn ống hút màu trắng; 01 nắp chai màu vàng có tạo 02 lỗ; 11 đoạn ống nhựa; 07 đoạn thủy tinh bị vỡ; 60 mười ống thủy tinh dài; 01 miếng bìa kiếng loại bao tập bị cắt; 07 chiếc quạt gas; 37 túi nylon; 01 dụng cụ dùng cạo râu màu cam; 03 cây kéo; một gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 0,4169gam và 01 gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 3,2741gam là vật chứng có liên quan đến việc sử dụng, mua bán ma túy. Xét thấy, các tài sản trên không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các tài sản còn lại thu giữ từ những người liên quan gồm: Số tiền 56.000 đồng và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 của Lê V; 01 ĐTDĐ hiệu Mobell và 01 ĐTDĐ hiệu Huawei của Nguyễn A; 30.000 đồng và 02 ĐTDĐ hiệu Mobistar của Lý PH; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 101, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A7 cùng phụ kiện và 20.000 đồng của Tống HH. Xét thấy không có liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển sang Công an C xem xét xử lý trong vụ án hành chính là phù hợp.

- Đối với 02 xe mô tô biển số 62L1-217.31 và biển số 52N7 - 9214 do chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra để xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 62L1-123.28 thuộc sở hữu của Nguyễn Hoàng N cho Nguyễn A mượn chở Lê V đi mua ma túy, Nguyễn không biết, nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho Nguyễn là phù hợp.

- Đối với 09 điện thoại di động các loại không còn sử dụng được tại thời điểm bị thu giữ, qua điều tra xác định số điện thoại là của người thân gửi Q sửa chữa, nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp.

[6]. Án phí: Căn cứ vào các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Quý Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; Điều 45; Điểm p và o khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Quý Q 07 (B)** năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/02/2017.

Áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn Quý Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn Quý Q nộp lại số tiền thu lợi bất chính 950.000 đồng và 3.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng; 01 cân điện tử có chữ Amput và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

Tiêu thu tiêu hủy: 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, bên trong có chứa nước màu trắng, ở phần nắp có tạo 02 lỗ tròn nhỏ, 01 lỗ gắn ống thủy tinh, lỗ còn lại gắn ống hút màu trắng; 01 nắp chai màu vàng có tạo 02 lỗ; 11 đoạn ống nhựa; 07 đoạn thủy tinh bị vỡ; 60 mươi ống thủy tinh dài; 01 miếng bìa kiếng loại bao tập bị cắt; 07 chiếc quạt gas; 37 túi nylon; 01 dụng cụ dùng cạo râu màu cam; 03 cây kéo; một gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 0,4169gam và 01 gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 3,2741gam. Tất cả vật chứng trên theo Quyết định chuyển vật chứng số: 15/VKS-HS ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân C.

3. Án phí:

Áp dụng: Các Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn Quý Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành – Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Thiện Tâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LA

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN C**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành

2. Ông Nguyễn V Hải

Căn cứ vào Điều 199 và 222 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại phòng nghị án của Trung T V hóa Thể thao và Sinh hoạt cộng đồng xã LT, C, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 44/2017/HSST ngày 27/11/2017 đối với bị cáo:

Trần V Quý Q, tên gọi khác: Tý, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 137, ấp Long Thanh, xã LT, C, tỉnh LA; Số CMND: 301641371; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Trần V T và bà Nguyễn Thị B; Tiền án, tiền sự: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầu đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau”

1/ Về tội danh: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Kết quả biểu quyết: 3/3

2/ Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; Điều 45; Điểm p và o khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3/ Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Trần V Quý Q** 07 (B) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/02/2017.

Áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần V Quý Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Về Vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Buộc bị cáo Trần V Quý Q nộp lại số tiền thu lợi bất chính 950.000 đồng và 3.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng; 01 cân điện tử có chữ Amput và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, bên trong có chứa nước màu trắng, ở phần nắp có tạo 02 lỗ tròn nhỏ, 01 lỗ gắn ống thủy tinh, lỗ còn lại gắn ống hút màu trắng; 01 nắp chai màu vàng có tạo 02 lỗ; 11 đoạn ống nhựa; 07 đoạn thủy tinh bị vỡ; 60 mươi ống thủy tinh dài; 01 miếng bìa kiếng loại bao tập bị cắt; 07 chiếc quạt gas; 37 túi nylon; 01 dụng cụ dùng cạo râu màu cam; 03 cây kéo; một dụng cụ phân chia ma túy đá, một gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là 0,4169gam và 01 gói ma túy có trọng lượng còn lại sau khi giám định là

3,2741gam. Tất cả vật chứng trên theo Quyết định chuyển vật chứng số: 15/VKS-HS ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân C.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6/ Về án phí: Các Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần V Quý Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3

7/ Về quyền kháng cáo :

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 35 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành – Nguyễn V Hải

Nguyễn Thiện T